TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Đại học Bách khoa Hà Nội công bố bảng quy đổi điểm chuẩn chính thức năm 2025

11:27 18/07/2025

Sáng 18/7, ĐH Bách khoa Hà Nội công bố độ lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển và bảng quy đổi điểm chuẩn giữa các phương thức tuyển sinh năm 2025. Với cách tính linh hoạt và minh bạch, thí sinh có thể dễ dàng tra cứu mức điểm tương đương giữa thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi Đánh giá tư duy và xét tuyển tài năng.

Theo Đại học Bách Khoa Hà Nội, căn cứ theo các loại phổ điểm và dữ liệu tuyển sinh các năm trước đây, đơn vị dự báo mức điểm trúng tuyển vào các chương trình đạo tạo đại học chính quy năm 2025 đối với 65 chương trình đào tạo cho tất cả các phương thức tuyển sinh bao gồm: Phương thức Xét tuyển tài năng (XTTN), phương thức xét tuyển theo điểm thi Đánh giá tư duy (ĐGTD) và phương thức xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).

Dự báo điểm chuẩn giảm nhẹ

Căn cứ theo các loại phổ điểm và dữ liệu tuyển sinh các năm trước đây, Đại học Bách khoa Hà Nội dự báo mức điểm trúng tuyển theo phương thức điểm thi tốt nghiệp THPT dao động từ 19-28 điểm. Năm ngoái, điểm chuẩn phương thức này dao động 21-28,53 điểm.

Cụ thể, các ngành Kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin (Gloabl ICT), An toàn không gian số (chương trình tiên tiến), Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa, Kỹ thuật Vi điện tử và Công nghệ nano, Công nghệ thông tin (Việt - Nhật) dự kiến lấy điểm chuẩn trong khoảng 26,5-28 điểm.

Các ngành Khoa học máy tính, Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (chương trình tiên tiến) dự kiến lấy điểm chuẩn trên 27,8 điểm.

Trong khi đó, các ngành Quản trị kinh doanh (hợp tác với Đại học Troy), Quản lý tài nguyên và môi trường, Tiếng Trung khoa học kỹ thuật và công nghệ dự kiến lấy điểm chuẩn 19.

Với phương thức xét điểm thi đánh giá tư duy, trường dự đoán điểm chuẩn theo thang 100, dao động 46,48-73,07 điểm. Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Bách khoa Hà Nội sẽ quy đổi điểm về chung thang 30.

Đại học Bách Khoa Hà Nội dự báo mức điểm trúng tuyển vào 65 chương trình đào tạo năm 2025, cụ thể:

STT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Dự báo điểm chuẩn XTTN 1.2 (thang 100)	Dự báo điểm chuẩn XTTN 1.3 (thang 100)	Dự báo điểm chuẩn ĐGTD (thang 100)	Dự báo điểm chuẩn THPT (thang 30)
1	IT1	CNTT: Khoa học Máy tính	74.42+	71.69+	71.62+	27.8+
2	IT-E10	Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (CT tiên tiến)	74.42+	71.69+	71.62+	27.8+
3	IT2	CNTT: Kỹ thuật Máy tính	65.28 - 75.66	61.65 - 75.78	65.56 - 73.02	26.5 - 28
4	IT-E7	Công nghệ thông tin (Global ICT)	65.28 - 75.66	61.65 - 75.78	65.56 - 73.02	26.5 - 28
5	IT-E15	An toàn không gian số - Cyber Security (CT Tiên tiến)	65.28 - 75.66	61.65 - 75.78	65.56 - 73.02	26.5 - 28
6	EE2	Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hoá	65.28 - 75.66	61.65 - 75.78	65.56 - 73.02	26.5 - 28
7	MS2	Kỹ thuật Vi điện tử và Công nghệ nano	65.28 - 75.66	61.65 - 75.78	65.56 - 73.02	26.5 - 28
8	IT-E6	Công nghệ thông tin (Việt - Nhật)	65.28 - 75.66	61.65 - 75.78	65.56 - 73.02	26.5 - 28
9	EE-E8	Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hoá (CT tiên tiến)	58.04 - 71.07	56.97 - 65.4	61.44 - 68.85	25.5 - 27.3
10	IT-EP	Công nghệ thông tin (Việt - Pháp)	58.04 - 71.07	56.97 - 65.4	61.44 - 68.85	25.5 - 27.3
11	ET1	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	58.04 - 71.07	56.97 - 65.4	61.44 - 68.85	25.5 - 27.3
12	MI1	Toán - Tin	58.04 - 71.07	56.97 - 65.4	61.44 - 68.85	25.5 - 27.3
13	EM-E14	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (CT tiên tiến)	67.19 - 78.5	62.89 - 85.2	66.64 - 76.23	24.5 - 26.3
14	ET-E9	Hệ thống nhúng thông minh và IoT (CT tiên tiến)	58.04 - 71.07	56.97 - 65.4	61.44 - 68.85	25.5 - 27.3
15	MI2	Hệ thống thông tin quản lý	58.04 - 71.07	56.97 - 65.4	61.44 - 68.85	25.5 - 27.3
16	ME1	Kỹ thuật Cơ điện tử	58.04 - 71.07	56.97 - 65.4	61.44 - 68.85	25.5 - 27.3
17	ET-E4	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (CT tiên tiến)	58.04 - 71.07	56.97 - 65.4	61.44 - 68.85	25.5 - 27.3
18	EM-E13	Phân tích kinh doanh (CT tiên tiến)	59.89 - 72.99	58.16 - 66.94	62.49 - 70	23.5 - 25.3
19	ET-E16	Truyền thông số và Kỹ thuật đa phương tiện (CT tiên tiến)	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	23.5 - 25.3
20	ET2	Kỹ thuật Y sinh	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	23.5 - 25.3
21	TE1	Kỹ thuật Ô tô	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	23.5 - 25.3
22	EM5	Tài chính - Ngân hàng	59.89 - 72.99	58.16 - 66.94	62.49 - 70	23.5 - 25.3
23	EE1	Kỹ thuật Điện	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	23.5 - 25.3
24	EM3	Quản trị kinh doanh	59.89 - 72.99	58.16 - 66.94	62.49 - 70	23.5 - 25.3
25	TE3	Kỹ thuật Hàng không	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	23.5 - 25.3
26	EM2	Quản lý công nghiệp	59.89 - 72.99	58.16 - 66.94	62.49 - 70	23.5 - 25.3
27	EM4	Kế toán	59.89 - 72.99	58.16 - 66.94	62.49 - 70	23.5 - 25.3

STT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Dự báo điểm chuẩn XTTN 1.2 (thang 100)	Dự báo điểm chuẩn XTTN 1.3 (thang 100)	Dự báo điểm chuẩn ĐGTD (thang 100)	Dự báo điểm chuẩn THPT (thang 30)
28	EE-E18	Hệ thống điện và năng lượng tái tạo (CT tiên tiến)	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	24.5 - 26.3
29	EM1	Quản lý năng lượng	55 - 63.54	55 - 60.53	56.55 - 64.57	22 - 24
30	ME-E1	Kỹ thuật Cơ điện tử (CT tiên tiến)	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	24.5 - 26.3
31	ET-E5	Kỹ thuật Y sinh (CT tiên tiến)	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	24.5 - 26.3
32	TE2	Kỹ thuật Cơ khí động lực	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	24.5 - 26.3
33	CH-E11	Kỹ thuật Hóa dược (CT tiên tiến)	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	24.5 - 26.3
34	EE-EP	Tin học công nghiệp và Tự động hóa (Chương trình Việt - Pháp PFIEV)	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	24.5 - 26.3
35	TE-E2	Kỹ thuật Ô tô (CT tiên tiến)	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	24.5 - 26.3
36	ED2	Công nghệ giáo dục	59.89 - 72.99	58.16 - 66.94	62.49 - 70	24.5 - 26.3
37	ME2	Kỹ thuật Cơ khí	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	24.5 - 26.3
38	PH1	Vật lý kỹ thuật	55 - 63.83	55 - 60.71	58.1 - 64.73	24.5 - 26.3
39	TE-EP	Cơ khí hàng không (Chương trình Việt - Pháp PFIEV)	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
40	ET-LUH	Điện tử - Viễn thông - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (Đức)	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
41	MS3	Công nghệ vật liệu Polyme và Compozit	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
42	MS1	Kỹ thuật Vật liệu	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
43	PH3	Vật lý Y khoa	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
44	BF2	Kỹ thuật Thực phẩm	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
45	BF1	Kỹ thuật Sinh học	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
46	HE1	Kỹ thuật Nhiệt	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
47	ME-LUH	Cơ điện tử - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (Đức)	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
48	ME-NUT	Cơ điện tử - hợp tác với ĐH Công nghệ Nagaoka (Nhật Bản)	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
49	ME-GU	Cơ khí - Chế tạo máy - hợp tác với ĐH Griffith (Úc)	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
50	CH1	Kỹ thuật Hoá học	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
51	MS-E3	Khoa học và kỹ thuật vật liệu (CT tiên tiến)	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
52	PH2	Kỹ thuật hạt nhân	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
53	BF-E12	Kỹ thuật Thực phẩm (CT tiên tiến)	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
54	CH2	Hoá học	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
55	MS5	Kỹ thuật in	55	55	52.17 - 59.49	22 - 25
56	FL1	Tiếng Anh KHKT và Công nghệ	55 - 56.24	55 - 55.80	53.08 - 60.42	21 - 23
57	FL2	Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế	55 - 56.24	55 - 55.80	53.08 - 60.42	21 - 23
58	ED3	Quản lý giáo dục	55 - 56.24	55 - 55.80	53.08 - 60.42	21 - 23
59	TROY-IT	Khoa học máy tính - hợp tác với ĐH Troy (Hoa Kỳ)	55 - 56.24	55 - 55.80	53.08 - 60.42	21 - 23
60	BF-E19	Kỹ thuật sinh học (CT tiên tiến)	55	55	46.95 - 52.17	19.5 - 22
61	TX1	Công nghệ Dệt - May	55	55	46.95 - 52.17	19.5 - 22
62	EV1	Kỹ thuật Môi trường	55	55	46.95 - 52.17	19.5 - 22
63	TROY-BA	Quản trị kinh doanh - hợp tác với ĐH Troy (Hoa Kỳ)	55	55	46.48 - 56.55	19 - 22
64	EV2	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	55	55	46.95 - 52.17	19.5 - 22
65	FL3	Tiếng Trung KHKT và Công nghệ	55	55	46.48 - 56.55	19 - 22

Cùng với dự báo điểm chuẩn, Đại học Bách khoa Hà Nội công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng (điểm sàn) như sau:

	Điểm XTTN (thang 100)	Điểm ĐGTD (thang 100)	Điểm THPT (thang 30)
Khối nhóm ngành Kỹ thuật	55	46.95	19.5
Khối nhóm ngành Kinh tế, Giáo dục, Ngoại ngữ	55	46.48	19

Theo Đại học Bách khoa Hà Nội, các tổ hợp sử dụng để xét tuyển vào khối nhóm ngành kỹ thuật bao gồm A00, A01, A02, B00, D07, D26, D28, D29 và K01 sẽ không có độ lệch điểm.

Các tổ hợp sử dụng để xét tuyển vào khối nhóm ngành kinh tế, giáo dục, ngoại ngữ bao gồm D01 và D04 cũng không có độ lệch điểm.

Đại học Bách khoa Hà Nội công bố độ lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển theo phương thức sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT như sau:

	A00	A01	A02	B00	D07	D26	D28	D29	K01	D01	D04
A00		0	0	0	0	0	0	0	0	+0.5	+0.5
A01	0		0	0	0	0	0	0	0	+0.5	+0.5
A02	0	0		0	0	0	0	0	0	+0.5	+0.5
B00	0	0	0		0	0	0	0	0	+0.5	+0.5
D07	0	0	0	0		0	0	0	0	+0.5	+0.5
D26	0	0	0	0	0		0	0	0	+0.5	+0.5
D28	0	0	0	0	0	0		0	0	+0.5	+0.5
D29	0	0	0	0	0	0	0		0	+0.5	+0.5
K01	0	0	0	0	0	0	0	0		+0.5	+0.5
D01	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5		0
D04	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	+0.5	0	

Theo nhà trường, độ lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển vào khối nhóm ngành kỹ thuật (A00, A01, A02, B00, D07, D26, D28, D29 và K01) và các tổ hợp sử dụng để xét tuyển vào khối nhóm ngành kinh tế, giáo dục, ngoại ngữ (D01 và D04) là +0,5 điểm vào mức điểm chuẩn khi xét cùng vào một chương trình đào tạo đối với các tổ hợp A00, A01, A02, B00, D07, D26, D28, D29 và K01.

Ví dụ, chương trình FL3-Tiếng Trung Khoa học và Công nghệ đang xét tuyển với 3 tổ hợp điểm tốt nghiệp THPT là K01, D01 và D04.

Nếu điểm trúng tuyển theo tổ hợp D01 là 20 điểm thì điểm trúng tuyển theo tổ hợp D04 vẫn là 20 điểm, còn điểm trúng tuyển theo tổ hợp K01 là 20,5 điểm.

Quy đổi điểm chuẩn giữa các phương thức xét tuyển

Căn cứ theo hướng dẫn chung của Bộ GD&ĐT, Đại học Bách khoa Hà Nội áp dụng phương pháp bách phân vị để tìm ra các mức điểm chuẩn tương đương giữa 3 phương thức tuyển sinh của đại học bao gồm: Phương thức xét tuyển tài năng (XTTN), xét theo điểm thi đánh giá tư duy (ĐGTD), xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT.

Bên cạnh đó, Đại học Bách khoa Hà Nội tiến hành thống kê, phân tích dữ liệu tuyển sinh của 3 năm trở lại đây, các tổ hợp xét tuyển khác nhau, phân tích phổ điểm xét tuyển tài năng theo các diện, phổ điểm bài thi TSA, phổ điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với 2 tổ hợp gốc là A00 (Toán-Lý-Hóa) và D01 (Toán-Văn-Anh) để làm căn cứ xác định khoảng phân vị tương quan.

Bảng phân vị tương quan giữa các phương thức tuyển sinh của Đại học Bách khoa Hà Nội được xác định thông qua phương pháp bách phân vị trên tập dữ liệu của các thí sinh có cả 2 điểm thi TSA và điểm thi THPT theo tổ hợp A00; tập dữ liệu của các thí sinh có cả 2 điểm thi TSA và điểm thi THPT theo tổ hợp D01; top% điểm XTTN diện 1.2 và diện 1.3 được tính trên tổng số thí sinh có điểm theo phương thức XTTN từ mức điểm sàn đến mức cao nhất; top% điểm ĐGTD

được tính trên tổng số thí sinh có điểm TSA từ mức điểm sàn đến mức cao nhất.

Từ bảng phân vị tương quan với các giá trị khoảng điểm phân vị cụ thể sẽ thực hiện nội suy hàm quy đổi mức điểm chuẩn giữa các phương thức tuyển sinh khác nhau. Theo đó, từ mức điểm chuẩn x thuộc khoảng phân vị [a, b) của phương thức tuyển sinh này sẽ được nội suy tương đương sang mức điểm chuẩn [c, d) tương ứng với phương thức tuyển sinh khác theo công thức như sau:

$$y = c + \frac{(x-a)}{(b-a)} * (d-c)$$

Bảng quy đổi điểm chuẩn tương đương cho dữ liệu năm 2025

Từ dữ liệu điểm của các phương thức đã công bố, bảng phân vị tương quan mức điểm chuẩn giữa các phương thức tuyển sinh năm 2025 của Đại học Bách khoa Hà Nội được xác định cụ thể theo 2 tổ hợp gốc là A00 và D01 như sau:

TT	Tổ hợp A00 (thang 30)	XTTN diện 1.2 (thang 100)	XTTN diện 1.3 (thang 100)	ĐGTD (thang 100)
Khoảng 1	29.25 - 30	91.61 - 100	94.64 - 100	83.98 - 100
Khoảng 2	28.46 - 29.25	78.50 - 91.61	85.20 - 94.64	76.23 - 83.98
Khoảng 3	27.55 - 28.46	72.88 - 78.50	66.57 - 85.20	69.88 - 76.23
Khoảng 4	25.08 - 27.55	55 - 72.88	55 - 66.57	59.71 - 69.88
Khoảng 5	23.46 - 25.08			55.22 - 59.71
Khoảng 6	19.5-23.46			46.95 - 55.22

Bảng 1: Bảng phân vị tương quan mức điểm chuẩn giữa các phương thức có tổ hợp gốc A00.

TT	Tổ hợp D01 (thang 30)	XTTN diện 1.2 (thang 100)	XTTN diện 1.3 (thang 100)	ĐGTD (thang 100)
Khoảng 1	27.31 - 30	91.61 - 100	94.64 - 100	83.98 - 100
Khoảng 2	26.30 - 27.31	78.50 - 91.61	85.20 - 94.64	76.23 - 83.98
Khoảng 3	25.28 - 26.30	72.88 - 78.50	66.57 - 85.20	69.88 - 76.23
Khoảng 4	22.83 - 25.28	55 - 72.88	55 - 66.57	59.71 - 69.88
Khoảng 5	21.65 - 22.83			55.22 - 59.71
Khoảng 6	19 - 21.65			46.48 - 55.22

Bảng 2: Bảng phân vị tương quan mức điểm chuẩn giữa các phương thức có tổ hợp gốc D01.

Ví dụ, điểm chuẩn của ngành/chương trình Kỹ thuật vi điện tử và Công nghệ nano của Đại học Bách khoa Hà Nội theo phương thức dùng điểm thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp A00 là 27,68 điểm (x = 27.68).

Như vậy mức điểm chuẩn này sẽ thuộc khoảng phân vị 3 (khoảng 3) tại bảng 1, có giá trị điểm THPT từ [27,55-28,46).

Khi đó, điểm chuẩn tương đương đối với điểm thi ĐGTD sẽ thuộc khoảng phân vị tương ứng (khoảng 3) tại bảng 1 có giá trị điểm ĐGTD từ [69,88-76,23). Từ đó xác định các hệ số quy đổi tương ứng sẽ là: a = 27,55; b = 28,46; c = 69,88; d = 76,23.

Áp dụng công thức nội suy tính điểm chuẩn tương đương đối với điểm thi ĐGTD y từ điểm chuẩn THPT theo tổ hợp A00 x = 27,68 sẽ được tính như sau:

$$y = c + \frac{(x-a)}{(b-a)} * (d-c)$$

$$y = 69.88 + \frac{27.68-27.55}{28.46-27.55} * (76.23 - 69.88) = \mathbf{70.79\ điểm}$$

Từ ngày 16/7 đến 17h ngày 28/7, thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển đại học năm 2025 đều phải đăng ký NV xét tuyển trên Hệ thống lọc ảo chung của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ: https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn.

Năm nay, Đại học Bách khoa Hà Nội tuyển 9.680 chỉ tiêu. Học phí năm 2025-2026 dao động 28-90 triệu đồng, tăng 3-5 triệu đồng so với năm trước.

Minh Thành *(t/h)*